

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trên

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

Vào ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 357/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lâm Văn S, sinh năm: 1986; (Có mặt)

Địa chỉ: 187, ấp D, xã A, huyện V, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1992; (Tòa án đã tuyên bố mất tích).

HKTT: 187, ấp D, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lâm Văn S trình bày: Do mai mối nên anh S và chị T tự nguyện cưới nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với hộ cha mẹ ruột anh S. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong quá trình sống chung chị T đã nhiều lần bỏ nhà đi, anh S cũng nhiều lần rước chị T về sống đoàn tụ nhưng đến năm 2013 thì chị T dẫn con bỏ nhà đi và vợ chồng xa nhau từ đó đến nay, không biết tin tức gì của chị T và con. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lâm Thị Ngọc H,

sinh ngày 05/7/2010. Tòa án nhân dân huyện V đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Huyền T mất tích tại quyết định số 04/2017/QĐST-VDS ngày 08/9/2017.

Nay anh Lâm Văn S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T. Con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Văn S xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T có nơi cư trú cuối cùng tại: Số 187, ấp D, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền T đã bị tuyên bố là mất tích nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh S và chị T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 07/5/2010, nên hôn nhân giữa anh S và chị T là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét thấy anh S và chị T chung sống với nhau đã được nhiều năm có 01 con chung, lẽ ra anh S và chị T phải biết yêu thương, chăm sóc, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình để lo cho con, nhưng trái lại khi anh S và chị T có mâu thuẫn đã không cùng nhau bàn bạc, hàn gắn mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng, chị T bỏ địa phương đi, anh S cũng không gặp mặt, không biết tung tích của chị T, anh S đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất tích, Tòa án nhân dân huyện V đã tuyên bố chị T mất tích tại quyết định số 04/2017/QĐST-VDS ngày 08/9/2017. Nay anh S yêu cầu xin ly hôn với chị T.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật nhưng đến nay chị T không đến Tòa án làm việc.

Tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”.

Từ Điều luật viện dẫn trên, xét thấy chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, nên yêu cầu xin ly hôn của anh S là phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa anh S xác định anh S với chị T sống chung có 01 con chung tên Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 05/7/2010, từ ngày chị T bỏ nhà ra đi thì mang theo cháu Hân, hiện tại anh S không biết cháu Hân ở đâu. Nay anh S không yêu giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Lâm Văn S xin ly hôn nên phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Văn S đối với chị Nguyễn Thị Huyền T. Anh Lâm Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền T.

2. Về nuôi con chung: Anh Lâm Văn S không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản: Anh Lâm Văn S không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Lâm Văn S không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lâm Văn S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 02042 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Án xử **có mặt anh S**, báo cho anh S biết là có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

Đã ký

Lê Quan Nam